TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

Bản án số: 60/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14-8-2023
V/v không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Thị Kim Hằng;

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Khel.

Ông Dư Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Lịnh là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm Sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 127/2023/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2023 về việc không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 202/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lâm Thị Bích T; Sinh năm: 1992; (Có mặt)

Nơi cư trú: ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thanh L; sinh năm: 1987; (Có mặt)

Nơi cư trú: số 792/8 đường Q, Khóm G, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 23 tháng 5 năm 2023, cũng như trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lâm Thị Bích T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào đầu tháng 4/2022, bà Lâm Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh L, có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau như vợ chồng nhưng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống giữa bà T và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, cải vã, ngày 09/11/2022, ông L bỏ nhà đi khi bà T mang thai được 06 tháng. Mặc dù, bà T đã nhiều lần nhắn tin, gọi điện yêu cầu ông L quay về nhưng ông không đồng ý. Nay bà T yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông Nguyễn Thanh L là vợ chồng.

Về con chung: trong thời gian chung sống bà và ông Nguyễn Thanh L có 01 người con chung tên Lâm Thiên B; nam; sinh ngày: 05/01/2023; hiện đang sống cùng với bà T, tại ấp B, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lâm Thị Bích T yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu Lâm Thiên B cho đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Lâm Thị Bích T yêu cầu ông Nguyễn Thanh L hàng tháng cấp dưỡng nuôi cháu Lâm Thiên B số tiền 2.500.000 đồng cho đến tuổi trưởng thành. Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 01/2023 cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi. Theo bà T hiện nay bà chưa đi làm, không có thu nhập. Hiện tại bà T đang nuôi con bằng sữa ngoài, nên chi phí khá cao, chưa tính tiền bệnh tật và tiền sữa mỗi tháng khoảng 4.000.000 đồng nên bà T yêu cầu ông L phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con. Theo bà T, vào thời điểm còn chung sống với ông L thì thu nhập mỗi tháng của ông L khoảng 15.000.000 đồng từ việc lái xe. Tuy nhiên, bà T không có tài liệu chứng cứ gì để chứng minh ông L có mức thu nhập trên vì ông L là lái xe tự do, chạy theo yêu cầu của khách hàng chứ không lái xe cố định. Theo bà T việc ông L trình bày ông L thất nghiệp là không đúng, tuy nhiên bà T không có tài liệu chứng cứ để chứng minh việc ông L hiện vẫn đang còn lái xe thuê và có thu nhập ổn định.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Bích T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Thanh L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Ông L thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian chung sống và con chung. Theo ông L thì gia đình hai bên chỉ mới tổ chức lễ hỏi chứ chưa tổ chức đám cưới và ông bà cũng không có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống, bà T và ông L sống bên gia đình bà T, sau đó giữa bà T và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn, cải vã. Ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 11/2022

cho đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc cho nhau nữa. Nay ông L đồng ý với yêu cầu của bà T là không công nhận bà T với ông L là vợ chồng.

- Về con chung: Ông và bà T có một người con chung tên Lâm Thiên B; nam; sinh ngày: 05/01/2023; hiện đang sống cùng với bà T. Khi bà T mang thai được 06 tháng thì ông bà sống ly thân cho đến nay. Từ khi bà Thuỷ sinh con cho đến nay, ông L không có đến thăm con cũng như không có đóng góp tiền để phụ bà T nuôi con. Nay bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Thiên B cho đến khi đủ 18 tuổi thì ông L đồng ý. Tuy nhiên, bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng 2.500.000 đồng/tháng thì ông L không đồng ý vì hiện nay ông L chưa có việc làm, không có thu nhập nên ông L chỉ có thể cấp dưỡng mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về thời gian cấp dưỡng ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực. Trường hợp bà T không có khả năng nuôi con thì ông L yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Thiên B cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con. Việc bà T trình bày vào thời điểm còn chung sống với ông thì thu nhập mỗi tháng của ông khoảng 15.000.000 đồng từ việc lái xe là không đúng. Khi đó thu nhập mỗi tháng khoảng 8.000.000 - 9.000.000 đồng, theo ông L thì ông không có xe riêng mà chỉ chạy xe thuê cho người quen. Từ tháng 11/2022 đến nay thì ông L không có việc làm.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên Tòa sơ thẩm:*

- Nguyên đơn bà Lâm Thị Bích T yêu cầu ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày cháu B sinh ra là 05/01/2023 đến ngày 05/8/2023 là 07 tháng với số tiền là 07 tháng x 3.000.000 đồng/tháng = 21.000.000 đồng; Từ ngày 06/8/2023 cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi, mỗi tháng 3.000.000 đồng.

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh L vẫn giữ nguyên nội dung trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, về cấp dưỡng nuôi con, ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 500.000 đồng. Về thời gian cấp dưỡng: Ông L chỉ đồng ý cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng

tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận không công nhận bà T với ông L là vợ chồng; Về con chung: giao con chung tên Lâm Thiên B; nam; sinh ngày: 05/01/2023 cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc ông L cấp dưỡng nuôi cháu B từ ngày sinh ra là 05/01/2023 đến ngày 05/8/2023 là 07 tháng với số tiền là 7 tháng x 1.000.000 đồng/tháng = 7.000.000 đồng; Từ ngày 06/8/2023 cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi, mỗi tháng 1.000.000 đồng. Về tài sản chung và nợ chung: bà T và ông L tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, sau khi nghe ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Nguyên đơn bà Lâm Thị Bích T khởi kiện yêu cầu Toà án không công nhận bà với bị đơn ông Nguyễn Thanh L; Địa chỉ: số G đường Q, Khóm G, Phường B, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp nuôi con", vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

[2] Tại phiên toà nguyên đơn bà T yêu cầu bị đơn ông L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 3.000.000 đồng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày cháu B sinh ra là 05/01/2023 đến ngày 05/8/2023 là 07 tháng với số tiền là 07 tháng x 3.000.000 đồng/tháng = 21.000.000 đồng. Từ ngày 06/8/2023 cho đến khi cháu B tròn 18 tuổi, mỗi tháng 3.000.000 đồng. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về nội dung vụ án:

[3]. Xét yêu cầu không công nhận quan hệ vợ chồng của bà Lâm Thị Bích T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Lâm Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh L chung sống với nhau như vợ chồng từ tháng 4/2022 đến ngày 09/11/2022, mặc dù ông bà có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 "*Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng*" nên quan hệ hôn nhân giữa ông bà không được pháp luật công nhận.

Theo bà T, trong thời gian chung sống giữa bà T và ông L phát sinh nhiều mâu thuẫn trầm trọng không thể hàn gắn được và từ ngày 09/11/2022 đến nay, ông bà không còn chung sống với nhau như vợ chồng nữa. Tại phiên tòa, ông L cũng thống nhất với lời trình bày của bà T và đề nghị Tòa án không công nhận quan hệ chung sống giữa ông bà là vợ chồng.

Do đó, bà Lâm Thị Bích T yêu cầu Tòa án không công nhận quan hệ chung sống giữa bà với ông Nguyễn Thanh L là vợ chồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Về con chung: Bà Lâm Thị Bích T trình bày, ông bà có 01 người con chung tên: Lâm Thiên B; nam; sinh ngày: 05/01/2023; hiện đang sống cùng với bà T. Nay bà T yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Lâm Thiên B cho đến khi đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Thanh L thống nhất với lời trình bày của bà T và đồng ý giao con chung tên Lâm Thiên B cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; ....*". Hội đồng xét xử xét thấy, việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con của ông bà là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận này của ông bà, giao con chung tên Lâm Thiên B cho bà Lâm Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ngoài ra, tại khoản 1 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi*" và khoản 3 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: "*Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền,*

nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở". Do đó, ông Nguyễn Thanh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5]. Xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của bà T thấy rằng: Theo bà T, hiện nay cháu B còn rất nhỏ nên chi phí cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B là tương đối lớn, tại hồ sơ và tại Tòa, nguyên đơn cho rằng chi phí cho việc nuôi cháu B là từ 6.000.000 đồng/tháng đến 7.000.000 đồng/tháng bao gồm: tiền sữa mỗi tháng là 4.000.000 đồng, tiền tã mỗi tháng 500.000 đồng, tiền quần áo và tiêm ngừa cho trẻ (tiêm ngừa dịch vụ)…. nhưng bà chưa có việc làm, không có thu nhập, trong khi ông L đang có mức lương ổn định 15.000.000 đồng/tháng. Ngược lại ông L cho rằng từ tháng 11/2022 đến nay, ông bị thất nghiệp, chưa có việc làm, không có thu nhập nên ông chỉ đồng ý mức cấp dưỡng nuôi con là 500.000 đồng/tháng. Tại biên bản xác minh ngày 24/7/2023, tại Ban N, Phường B, thành phố S cũng không xác định được hiện nay ông L có việc làm và thu nhập hay không.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo quy định tại Khoản 2 Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014:*"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* và Khoản 1 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết".* Việc bà T trình bày các khoản chi phí phát sinh cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu B như chi phí mua sữa, tã, quần áo, tiêm ngừa,… là phù hợp nhưng chi phí nuôi cháu B từ 6.000.000 đồng/tháng đến 7.000.000 đồng/tháng theo bà T trình bày là cao so với mức sống và chi phí chăm sóc một đứa trẻ cùng độ tuổi trung bình tại địa phương. Ngoài ra, bà T cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh ông L có mức thu nhập ổn định mỗi tháng 15.000.000 đồng nên việc bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con với số tiền 3.000.000 đồng/tháng là không có căn cứ. Ông L đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 500.000 đồng là không phù hợp, không đảm bảo cho nhu cầu thiết yếu của việc nuôi dưỡng, chăm sóc cho cháu B. Từ những phân tích trên, hội đồng xét xử xét thấy mức cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng là đảm bảo cho nhu cầu thiết yếu của việc nuôi dưỡng cháu B và phù hợp với điều kiện thu nhập hiện nay của ông L.

Về thời gian cấp dưỡng, bà T yêu cầu tính từ ngày cháu B sinh ra là 05/01/2023 thấy rằng theo Án lệ số 62/2023/AL về thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong vụ án tranh chấp về xác định cha cho con được lựa chọn từ Bản án phúc thẩm số 07/2018/HN-PT ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước và được công bố theo Quyết định 39/QĐ-CA24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thì: "*Sau khi người con được sinh ra, người mẹ khởi kiện yêu cầu xác định bị đơn là cha đẻ của người con và yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên. Tòa án xác định bị đơn là cha đẻ của người con và có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Trường hợp này, Tòa án phải xác định thời gian cấp dưỡng cho con chưa thành niên được tính kể từ khi người con được sinh ra*". Hội đồng xét xử xét thấy tính chất, các tình tiết, sự kiện pháp lý trong vụ án này tương tự như các tình tiết, sự kiện pháp lý trong án lệ. Vì vậy, theo quy định tại Điều 82, 83; khoản 24 Điều 3, Điều 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, thì nghĩa vụ cấp dưỡng của cha mẹ đối với con chưa thành niên được phát sinh từ khi người con được sinh ra. Việc cấp dưỡng nuôi con là quyền và là nghĩa vụ của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con. Cháu Lâm Thiên B là con chung của bà Lâm Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh L, nhưng từ khi cháu B sinh ra là ngày 05/01/2023 cho đến nay một mình bà T chăm sóc, nuôi dưỡng và chi trả các khoản chi phí nuôi con. Như vậy, việc bà T yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con từ ngày 05/01/2023 là có căn cứ.

Như vậy, số tiền cấp dưỡng từ ngày cháu B được sinh ra là 05/01/2023 đến ngày 05/8/2023 là 07 tháng x 1.000.000 đồng/tháng là 7.000.000 đồng.

Do nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con được thực hiện hàng tháng nên tháng tiếp theo của kỳ cấp dưỡng được tính từ ngày 06/8/2023 đến khi cháu B tròn 18 tuổi, hàng tháng ông L phải cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: bà Lâm Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh L trình bày không có, không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét.

[6]. Như đã phân tích trên, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7]. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Nguyên đơn bà Lâm Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn, ông Nguyễn Thanh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết

số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 7 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 110, 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Án lệ số 62/2023/AL về thời điểm bắt đầu thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chưa thành niên trong vụ án tranh chấp về xác định cha cho con được lựa chọn từ Bản án phúc thẩm số 07/2018/HN-PT ngày 22/3/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước và được công bố theo Quyết định 39/QĐ-CA24 tháng 02 năm 2023 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lâm Thị Bích T.

- Về hôn nhân: Không công nhận bà Lâm Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh L là vợ chồng.

- Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa bà Lâm Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh L, giao con chung tên Lâm Thiên B, giới tính nam, sinh ngày 05/01/2023 cho bà Lâm Thị Bích T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi.

2. Về cấp dưỡng nuôi con chung.

- Buộc ông Nguyễn Thanh L cấp dưỡng nuôi con chung Lâm Thiên B cho bà Lâm Thị Bích T từ ngày 05/01/2023 đến ngày 05/8/2023 là 7.000.000 đồng (bảy triệu đồng).

- Buộc ông Nguyễn Thanh L hàng tháng đóng góp cho bà T số tiền 1.000.000 đồng để cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Lâm Thiên B cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 06/8/2023.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Lâm Thị Bích T và ông Nguyễn Thanh L trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Bà Lâm Thị Bích T phải chịu án phí sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008727, ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Bà Lâm Thị Bích T đã nộp xong án phí sơ thẩm.

Ông Nguyễn Thanh L phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con số tiền 300.000 đồng.

4. Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, Điều 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND xã Viên An, TĐ;
- UBND Phường 2, TPST;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thị Kim Hằng